

Một Số biến đổi trong hôn nhân và gia đình ở Hà Nội trong những năm 1965 - 1992

DANIELE BELANGERI¹
KHUẤT THU HỒNG

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Ở Việt Nam, hôn nhân² là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong đời sống cá nhân. Điều đó phản ánh vai trò trung tâm của gia đình trong xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, bản thân gia đình cũng như sự tham gia của nó vào hôn nhân đã phát triển theo một cung cách phức tạp qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi là dựng lại và phân tích quá trình biến đổi của hôn nhân trong gia đình Việt Nam qua các thời kỳ đó. Giới hạn từ thời phong kiến cho đến nay, chúng tôi tạm chia lịch sử Việt Nam thành 3 thời kỳ lớn: thời kỳ phong kiến và thuộc địa; thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hệ thống kinh tế tập trung quan liêu bao cấp và thời kỳ đổi mới³. Tương ứng, chúng ta sẽ có 3 mô hình gia đình tương ứng: truyền thống, bao cấp và hiện đại (hay sau Đổi mới)⁴

Bài viết này phân tích kết quả nghiên cứu và một số biến đổi của hôn nhân ở Hà Nội trong giai đoạn từ 1965 đến 1992 hay trong hai mô hình truyền thống và hiện đại theo giả thuyết của chúng tôi. Hai câu hỏi chính mà chúng tôi cố gắng để trả lời ở đây là:

1. Vai trò của gia đình, cá nhân và nhà nước trong việc lựa chọn bạn đời và quyết định hôn nhân thay đổi như thế nào trong hai thời kỳ đó?

2. Tiêu chuẩn của người bạn đời trong hai mô hình hôn nhân khác nhau ra sao?

Chúng tôi sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi trên trong hai phần của bài viết. Phần thứ nhất đề cập đến vai trò của gia đình, cá nhân và nhà nước trong quá trình dẫn đến hôn nhân ở đô thị miền Bắc mà Hà Nội là đại diện trong thời kỳ 1965 - 1985, hai mươi năm của chế độ bao cấp. Hôn nhân trong thời kỳ "đổi mới" là phần thứ hai của bài này

¹ Daniele Belanger là cán bộ nghiên cứu của Viện Dân số học, Khoa Nghệ thuật và Khoa học, Trường Tổng hợp Montreal, Canada.

² Thuật ngữ Hôn nhân ở đây được hiểu là việc hôn nhân, hay sự hình thành gia đình, hay nói bằng ngôn ngữ của đời thường là việc cưới xin, xây dựng gia đình. Còn một thuật ngữ Hôn nhân khác có nghĩa rộng hơn, chỉ trạng thái hay quá trình chung sống hợp pháp của cặp vợ chồng từ khi kết hôn trở đi.

³ Có thể có những cách chia khác nhau, đây chỉ là một giả thuyết của chúng tôi

⁴ Tác giả người Mỹ, Peltzer, cũng cho rằng gia đình Việt Nam đã trải qua ba mô hình: "truyền thống", "Xã hội chủ nghĩa" và "hiện đại" (Peltzer, 1993).

trong những năm 1987-1992;. Phần này sẽ phân tích nhang thay đổi trong thành phần tham gia quyết định hôn nhân sau Đổi Mới và mô hình hôn nhân *mới* đang hình thành giữa những thay đổi về kinh tế và chính trị?

Để chứng minh nhang thay dài trong hôn nhân trong ba thập kỷ cuối ở Hà Nội chúng tôi sẽ tập trung vào một khía cạnh của quá trình hôn nhân: việc lựa chọn bạn đời. Các cơ chế và tiêu chuẩn lựa chọn đã biến đổi như thế nào? Gia đình, Nhà nước và cá nhân đã kết hợp như thế nào trong khi thực hiện các mong muốn và đòi hỏi của họ trong quá trình hôn nhân ở hai thời kỳ đó? Với nghiên cứu này chúng tôi mong muốn làm sáng tỏ phần nào chủ đề hôn nhân vốn ít được đề cập đến trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam gần đây (Allman và các tác giả khác, 1991; Banister, 1993).

Cuộc nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành tại 3 điểm thuộc 3 quận khác nhau của thành phố Hà Nội vào 4 tháng cuối năm 1994⁵. Chúng tôi đã sử dụng phương pháp định tính thảo luận nhóm tập trung với 12 nhóm, gồm 112 thành viên. *Đặc điểm kiểm tra*⁶ của tất cả các nhóm là tất cả các thành viên phải kết hôn ở Hà Nội. *Đặc điểm phân biệt thứ nhất* là thể hệ kết hôn. Chúng tôi có 6 nhóm của những người kết hôn trước đổi mới và 6 nhóm kết hôn sau đổi mới. *Đặc điểm phân biệt thứ hai* là học vấn: trong mọi thể hệ kết hôn, có 3 nhóm học vấn: tiểu học, trung học hay trung cấp, và cao đẳng hay đại học. Tất cả các nhóm đều được phỏng vấn về hôn nhân của họ và quan niệm về các chuẩn mực phổ biến trong thời kỳ mà họ kết hôn.

KẾT QUẢ

1. Hôn nhân trong thời kỳ trước đổi mới (1965-1985)

Hôn nhân truyền thống ở Việt Nam bị chi phối bởi quyền lợi của gia đình và được các bậc cha mẹ sắp xếp. Theo tinh thần của đạo Khổng, hôn nhân đảm bảo việc nối dõi tông đường và phụng dưỡng cha mẹ lúc về già (Trần Đình Hượu, 1991). Thời điểm kết hôn thường diễn ra sớm, cha mẹ thường chuẩn bị việc cưới xin cho các con ngay từ khi chúng *mới* bước vào tuổi dậy thì (Phan Kế Bính, 1990 tái bản). Tiêu chuẩn đầu tiên là sự phù hợp giữa hai gia đình (*môn đăng hộ đối*) vì hôn nhân có thể làm thay đổi vị thế kinh tế và xa hội của gia đình (Insun Yu, 1990). Nói chung sự lựa chọn thường xảy ra giữa các gia đình trong cùng một tầng lớp xã hội, với nền kinh tế tương đương (Alexandre de Rhodes, 1646). Sự chênh lệch lớn về tuổi tác giữa cha mẹ của hai bên cũng không được hoan nghênh vì sẽ gây trở ngại cho mối quan hệ giữa hai gia đình. Tiêu chuẩn này vẫn còn được chú ý đến trong hôn nhân ở nông thôn hiện nay (Khuất Thu Hồng, 1994).

Khác biệt lớn nhất trong hôn nhân của thời kỳ này và hôn nhân truyền thống là bên cạnh gia đình còn có sự tham gia của nhà nước vào quá trình dẫn đến hôn nhân của phần lớn cư dân đô thị. Mặc dù khó mà tìm thấy ranh giới ảnh hưởng giữa hai lực lượng này song gia đình vẫn là nhân vật trung gian quan trọng giữa cá nhân và xã hội khi xác định những khả năng và giới hạn trong việc lựa chọn. Tuy nhiên, trong khi chuẩn bị kết hôn cho con cái, gia đình cũng có những yêu cầu riêng của mình, thường là kế thừa từ mô hình hôn nhân truyền thống vẫn còn phổ biến cho đến giữa thế kỷ này. Số liệu của chúng tôi cũng cho thấy vai trò của Nhà nước trong hôn nhân thông

⁵ Một điểm ở Nghĩa Đô, 1 điểm ở Giảng Võ và 1 điểm ở Phương Mai.

⁶ John Knodel (1993:39) định nghĩa đặc điểm kiểm tra là "đặc điểm chung cho tất cả các nhóm" và đặc điểm phân biệt là á là iếm trên cơ sở đó nhóm này phân biệt nhóm khác"

qua cơ quan hoặc các tổ chức xã hội khác đối với những người làm việc trong thành phần kinh tế nhà nước.

Tương xứng về gia đình: Một sự pha trộn giữa các giá trị truyền thống và các yếu tố mới.

Ở Việt Nam việc xúc tiến hôn nhân có tính chất tập thể nhiều hơn là cá nhân, sự tương xứng về mặt gia đình và xã hội được đặc biệt chú ý trong quá trình lựa chọn. Chúng tôi đã nói về cái gọi là *môn dùng hộ đối* ở phần hôn nhân truyền thống. Trong giai đoạn mà chúng tôi nghiên cứu, một số giá trị của quan niệm truyền thống về sự tương xứng vẫn tồn tại nhưng một số đã được thay thế bởi các giá trị mới. Sự chuyển đổi chủ yếu là từ các giá trị kinh tế sang các giá trị chính trị vì trong xã hội mới nhang khác biệt về kinh tế được coi như đa bị thủ tiêu. Do đó, sự tương xứng về kinh tế và xã hội đã không còn gắn với vị thế kinh tế mà liên quan mật thiết hơn với vị thế chính trị của gia đình và cá nhân, nói cụ thể hơn là lý lịch(...) Một lý lịch tốt được coi như sự đảm bảo cho một gia đình tốt như quan niệm lúc bấy giờ. Đó cũng là tiền đề tốt để một người có thể trở thành cán bộ nhà nước, một vị trí đáng mong muốn của tất cả dân cư đô thị lúc đó. Mặt khác, nhiều giá trị truyền thống vẫn còn có ý nghĩa quan trọng trong quá trình lựa chọn bạn đời. Sự tương xứng về học vấn và nề nếp gia đình cũng như sự cân bằng về tuổi tác giữa các bậc cha mẹ vẫn còn được chú ý rất nhiều. Làm thế nào để tìm kiếm được sự tương xứng đó? Số liệu của chúng tôi đã phác ra hai con đường chủ yếu, đó là thông qua gia đình và cơ quan.

Đối với một nửa số thành viên của chúng tôi, gia đình chủ động tiến hành lựa chọn bằng cách giới thiệu đối tượng cho con cái. Nói đến gia đình chúng tôi đề cập chủ yếu đến cha mẹ, trong đó người mẹ thường đóng vai trò quan trọng hơn. Có nhiều người ở trường hợp như thế này: *Lúc đó mình vừa học xong, mình còn rất vô tư. Lấy chồng là do bố mẹ giới thiệu, hai gia đình quen biết nhau từ trước*" (Nữ thành viên nhóm 10)

Mô hình truyền thống trong đó gia đình thực hiện toàn bộ quá trình lựa chọn khá phổ biến trong thời gian chiến tranh chống Mỹ đặc biệt đối với những gia đình có con trai đi bộ đội. Gia đình thường chủ động tìm hiểu đối tượng và tranh thủ cưới vợ cho các chàng trai trong thời gian nghỉ phép ngắn ngủi của họ, hy vọng có cháu để bảo tồn nòi giống tránh trường hợp rủi ro khi người con trai hy sinh. Khi gia đình lựa chọn đối tượng, quá trình này thường kéo dài cho đến khi tìm được một người thỏa mãn sở thích của cả gia đình và cá nhân.

Một nửa số thành viên tự lựa chọn người bạn đời nhưng sự chấp nhận của gia đình là không thể thiếu: *"Tôi nghĩ chọn bạn đời phải chọn cả hai bên gia đình đều có cùng nếp sống. Khi tôi muốn tìm hiểu anh ấy, tôi có hỏi ý kiến gia đình và tôi nghĩ là ý kiến của gia đình rất quan trọng. Bạn bè cũng nên tham khảo nhưng không bằng ý kiến của bố mẹ"* (Nữ thành viên nhóm 11)

Nếu cha mẹ phản đối sự lựa chọn, thương con cái đành phải chia tay với người yêu và đi tìm người khác: *"Nếu bố mẹ không đồng ý thì có lẽ càng phải từ biệt thôi"* (Nữ thành viên nhóm 10), hoặc phải đấu tranh quyết liệt để bảo vệ tình yêu của mình: *"Đến năm 26 tuổi tôi mới kết hôn. Khi đó gia đình tôi không đồng ý vì tuổi không hợp. Cuối cùng chúng tôi cứ quyết định, tôi nói với gia đình nếu không đồng ý thì sau này không lấy ai nữa, vì thế gia đình phải chấp nhận"* (nữ thành viên nhóm 7)

Trong hôn nhân ở thời kỳ 1965-1985, chúng tôi nhận thấy xu hướng con cái tham gia ngày càng nhiều vào việc quyết định hôn nhân của mình. Tuy nhiên, mô hình truyền thống trong đó cha mẹ lựa chọn và quyết định vẫn còn tương đối phổ biến ở Hà Nội

Sự tán thành của tổ chức hay cơ quan đối với hôn nhân của cán bộ công nhân viên cũng rất quan trọng. Sự tương xứng về địa vị chính trị giữa hai cá nhân và hai gia đình là trung tâm chú ý của cơ quan hay tổ chức khi chấp thuận hay phản đối hôn nhân của họ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng đã có một xu hướng của gia đình ở đô thị miền Bắc kết hợp tiêu chuẩn chính trị với các giá trị khác của nó và thông qua cơ chế truyền thống của quá trình lựa chọn người bạn đời hướng dẫn con cái đến đối tượng phù hợp. Sự chú ý đến các giá trị chính trị xã hội trong việc lựa chọn là tối cần thiết không chỉ để duy trì vị thế xã hội của gia đình mà cả địa vị xã hội và việc làm của con cái. Nói cách khác, cha mẹ phải chú ý tới cả sở thích của họ và các chuẩn mực chính trị xã hội để đảm bảo một cuộc hôn nhân tốt và tương lai cho con cái của mình. Sau đây là một ví dụ: *"Giai đoạn chúng tôi xây dựng gia đình đúng là có mơ ước nhiều nhưng cũng bị hạn chế rất nhiều do hoàn cảnh sống lúc bấy giờ. Thực tế lúc đầu tôi cũng yêu một người khác thành phần, gia đình tư sản, gia đình tôi không đồng ý, bảo là không thể được. Lúc ấy coi nặng về chuyện ấy lắm, anh ấy con nhà tư sản thì vào đại học rất khó khăn, nếu vào được thì chỉ học ở những khoa bị coi thường như lâm nghiệp, nông nghiệp... Tôi có ông anh chồng, trước kia yêu một cô rất xinh, 2 người yêu nhau học cùng lớp, nhưng gia đình cô ấy là tư sản nên gia đình bên này không đồng ý. Về sau có người giới thiệu một cô, xấu thôi, nhưng gia đình tạo thành cách mạng, nên bố mẹ đồng ý ngay. Thời kỳ ấy hạn chế rất nhiều. Nếu anh là cán bộ thì "thành phần" quan trọng lắm"* (Nữ thành viên nhóm 12)

Thời kỳ này, trong khi lựa chọn, tiêu chuẩn quan trọng nhất của người bạn đời tương lai là phải làm việc trong cơ quan nhà nước (tốt nhất là đã có biên chế), các thành viên trong khi thảo luận đã nói khá rõ: *"Người chồng lý tưởng lúc bấy giờ, thứ nhất là hai gia đình gần nhau, thứ hai là có công ăn việc làm chắc chắn, thứ ba, phải là cán bộ công nhân viên nhà nước, trong gia đình không có người buôn bán... Nếu trong gia đình có người đi chợ, chân trong chân ngoài là không thích, tuyệt đối phải là cán bộ công nhân viên nhà nước. Gia đình tôi là như thế, những người khác nói chung cũng như thế.* (Nữ thành viên, nhóm 10)

Làm việc nhà nước không chỉ bảo đảm sự ổn định kinh tế vì cơ quan phân phối nhà ở và thực phẩm, mà còn có nghĩa là có một gia đình tốt. Hôn nhân giữa hai gia đình cán bộ đảm bảo sự tương xứng về vị thế chính trị và dễ dàng được cơ quan chấp thuận.

Tuy nhiên, ranh giới chính trị không có nghĩa là toàn bộ tiêu chuẩn *"môn đăng hộ đối"*. Gia đình thành phố gốc khó có thể chấp nhận một thành viên từ nông thôn, mặt khác, hai gia đình nên có sự tương xứng về vị thế xã hội, bố mẹ hai bên nên tương đương về tuổi tác. Do đó vai trò chủ yếu của gia đình lúc này là bảo vệ cho sự tương xứng vốn bắt nguồn từ mô hình truyền thống và được củng cố bởi cơ chế xã hội mới.

Mặc dù việc tìm kiếm sự *môn đăng hộ đối* là trách nhiệm của gia đình song kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng ở đây còn có sự tham gia trực tiếp của Nhà nước thông qua sự quản lý của cơ quan đối với cán bộ công nhân viên của mình. Việc lựa chọn người bạn đời bất chấp thành phần chính trị có thể ảnh hưởng đến sự

thăng tiến chính trị xã hội của cá nhân. Do đó, trong một số trường hợp, để bảo vệ cán bộ của mình, cơ quan có thể trì hoãn hoặc không chấp thuận hôn nhân của họ: "*Cơ quan tôi rất nghiêm túc, nếu có ý định với nhau phải báo cáo phòng tổ chức cơ quan. Nếu tổ chức đồng ý)*" cho tìm hiểu thì tìm hiểu một thời gian rồi kết hôn. " (Nữ thành viên nhóm 10) "...*thời điểm đó cơ quan là chính. Hai bên cơ quan có cho phép thì mới xây dựng ... Trường hợp của tôi ý kiến cơ quan rất quan trọng. Anh ấy là người miền Nam tập kết, từ tổ chức phải xem xét, sợ anh ấy có vợ con trong kia... Nói chung rất phức tạp. Thời đó ai tìm hiểu cũng phải thông qua cơ quan hết. Nếu ai lý lịch có vấn đề thì hơi khó. Nếu tổ chức đã góp ý rồi thì thôi.*" (Nữ thành viên nhóm 11)

Bên cạnh các tiêu chuẩn về thế xã hội như vậy, các sở thích về ngoại hình và nhân cách công là những tiêu chuẩn quan trọng được cá nhân rất chú ý trong quá trình lựa chọn: *người chọn chồng lý tưởng phải hơn 5 tuổi, là cán bộ nhà nước và gia đình phải là cán bộ công nhân viên nhà nước nước gia đình tôi cũng vậy. Hình thức phải cao ráo và điển trai* " (Nam thành viên nhóm 10); "*Theo tôi chọn người vợ lẽ lý tưởng trước tiên phải yêu cầu là một người phụ nữ khỏe mạnh. Thứ hai là về hình thức, dáng vóc con người. Thứ ba là tính tình tốt...*" (Nam thành viên nhóm 10)

Địa điểm gặp gỡ hẹn hò của thanh niên lúc bấy giờ thường chỉ hạn chế trong phạm vi gia đình và nơi làm việc. Có lẽ điều này được giải thích bởi vai trò đặc biệt quan trọng của gia đình trong hôn nhân của một số người: "*Bố mẹ tôi rất phong kiến, không cho con giao thiệp rộng ví dụ như đi sinh nhật hoặc hội hè. Vì thế mình không có điều kiện làm quen bạn bè.*" (Nữ thành viên nhóm 11);

Đối với một số người khác gia đình được thay thế bằng cơ quan "*Chúng tôi làm cùng cơ quan thì biết nhau và tìm hiểu. Tôi cũng chỉ chú ý người làm cơ quan nhà nước thôi bên ngoài thì không để ý là đương nhiên thì tốt, bạn bè thời ấy cũng có khi nhiều mơ mộng như thế. Gia đình xã hội thì cũng có tính chất quyết định mình lại sống ở cơ quan là chính, để có tổ chức, công đoàn và bản thân mình. Chủ yếu mình sống và sinh hoạt ở cơ quan.*" (Nữ thành viên nhóm 10)

Một trong những tiêu chuẩn của một cặp tương xứng là người vợ tương lai phải trẻ hơn chồng trung bình là 4-5 tuổi. Tiêu chuẩn này được nhiều người nhắc đến, đàn ông phụ thuộc vào trình độ học vấn hay quê quán của họ. Thành viên trong các nhóm của chúng tôi lý giải về mong muốn này của họ bằng nhiều cách khác nhau. Sự chênh lệch về tuổi tác duy trì thứ bậc trong quan hệ vợ chồng, người đàn ông phải hướng dẫn và đảm bảo cuộc sống cho vợ con. Mặt khác, người ta tin rằng phụ nữ những già hơn nam giới, do đó sự khác biệt tuổi tác còn duy trì sự cân bằng trong đời sống tâm lý. Nhiều phụ nữ nói rằng họ muốn chồng họ như một người dẫn dắt, bảo vệ và chiều chuộng họ. Nam giới muốn vợ phải vâng lời ngoan ngoãn. Rõ ràng kiểu quan hệ mà họ mong muốn này bắt nguồn từ các chuẩn mực truyền thống của gia đình gia trưởng.

Để bước vào cuộc sống gia đình, mỗi người đạt được một số bước nhất định trong cuộc sống. Cả phụ nữ và nam giới đều phải tốt nghiệp phổ thông hoặc đại học và phải có công việc ổn định trong nhà nước. Có nghề nghiệp ổn định trong nhà nước là tiêu chuẩn tối quan trọng đối với những người bước vào hôn nhân. Như chúng tôi đã phân tích ở phần trên, nó là tiêu chuẩn quyết định đối với gia đình và cá nhân trong quá trình lựa chọn. Đồng thời, nó còn quyết định thời điểm của hôn nhân trong lịch trình của cuộc đời. Chuẩn mực này làm tăng độ tuổi kết hôn vì thời điểm thích hợp cho hôn nhân không còn chỉ phụ thuộc vào tuổi mà cả sự độc lập về kinh tế của cá nhân.

Một phần ba trong số thành viên xây dựng gia đình ở thời kỳ 1965-1985 sinh ra tại Hà Nội. Họ đồng thời cũng là những người có học vấn cao nhất. Đối với những người này sự tham gia của gia đình trong quá trình lựa chọn bạn đời mạnh hơn so với những người từ nông thôn và có học vấn thấp hơn. Trong trường hợp gia đình ở nông thôn, cơ quan và tà chức thường đóng vai trò chủ đạo.

Xét theo thế hệ sinh, kết quả cho thấy sự khác biệt giữa những người sinh vào nhang năm 1940 và những người sinh ra trong nhang năm 1950. Các thành viên sinh trước năm 1950 trải qua thời niên thiếu thuộc giai đoạn đầy hứa hẹn của chủ nghĩa xã hội và bước vào tuổi kết hôn khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bắt đầu bước vào thời kỳ ác liệt. Nhiều người trong số họ phải trì hoãn việc hôn nhân và cơ hội tìm kiếm người hạn đời tương lai của họ bị hạn chế nhiều vì hầu hết nam giới phải đi ra trận còn phụ nữ ở lại hậu phương để sản xuất và gánh vác gia đình. Do đó, lớp người này có xu hướng kết hôn muộn hơn so với các thế hệ khác. Đây là một trường hợp cụ thể: "*...khi 36 tuổi tôi mới lập gia đình. Đó là thời điểm chống Mỹ cứu nước. Trước tôi cũng có người yêu, sau anh ấy hy sinh, mãi đến năm 1971 mới biết tin, năm 1972 tôi mới xây dựng gia đình thành thử lúc ấy tôi đã 36 tuổi rồi.*" (Nữ thành viên nhóm 11)

Đối với thế hệ này, chiến tranh và hoàn cảnh xã hội lúc đó đã càng làm tăng sự khác biệt giữa mong muốn của họ và thực tế cuộc sống trong việc xác định thời điểm kết hôn và lựa chọn bạn đời. Có những phụ nữ khi còn trẻ cũng ước mơ về một người chồng, một gia đình giống như suy nghĩ của bạn bè cùng lứa nhưng chiến tranh đã khiến họ thất vọng vì họ đã phải có những lựa chọn và quyết định hoàn toàn đối lập với những gì họ đã từng mơ ước. Những trường hợp như vậy tuy không phải là phổ biến song cũng không phải là hiếm trong giai đoạn đó.

Thế hệ được sinh ra vào nhang năm 1950 bước vào thị trường hôn nhân sau chiến tranh và nhờ vậy được sống trong một khung cảnh ổn định hơn. Cơ hội gặp gỡ tìm hiểu của họ lớn hơn và khả năng thỏa mãn yêu cầu của gia đình, xã hội và bản thân cũng dễ dàng hơn. Tuy nhiên, cả hai thế hệ này đều phải chịu những áp lực đankể từ những đòi hỏi tổng hợp của xã hội và gia đình. Thỏa mãn các sở thích của bản thân những áp lực đó là một việc tương đối khó khăn đối với họ. Nhìn chung, mặc dù thuộc hai thế hệ sinh với khoảng thời gian là 20 năm song họ có nhiều điểm tương đối đồng nhất, chỉ ít là trong vấn đề hôn nhân: Họ cùng chịu tác động sâu sắc bởi hệ thống giá trị và chuẩn mực chung của xã hội lúc bấy giờ.

2. Hôn nhân trong thời kỳ đổi mới (1987-1992)

Những người kết hôn sau năm 1986 đồng nhất hơn trong các đặc điểm cá nhân so với lớp người kết hôn ở giai đoạn trước. Hai phần ba trong số họ sinh ra tại Hà Nội, số còn lại thì chuyển vào thành phố nhiều hơn trước khi xây dựng gia đình. Tất cả đều kết hôn vào những năm từ 1987 đến 1992. Tuy nhiên, chuẩn mực và tâm thế đối với hôn nhân của họ ít đồng nhất hơn so với những thế hệ trước: định hướng và sở thích trong hôn nhân của họ cho thấy những xu hướng khác nhau.

Sự lựa chọn của con cái và sự chấp thuận của cha mẹ

Sự quá độ xuất hiện từ thế hệ trước, với mô hình trong đó con cái giới thiệu người yêu của mình cho cha mẹ thay cho mô hình cha mẹ giới thiệu người bạn đời tương lai cho con đến lúc này đã hoàn thành. Tất cả những người thuộc thế hệ từ trẻ đều tự tìm hiểu và lựa chọn người sẽ chia sẻ cuộc đời với họ. Họ được tự do lựa chọn song

sự chấp thuận của cha mẹ vẫn là trung tâm điểm trình này, dù điều đó có ý nghĩa khác nhau đối với các thành viên của nhóm phỏng vấn. Nói chung, cha mẹ không phản đối sự lựa chọn của các con.

Đối với một số người việc giới thiệu người yêu với cha mẹ chỉ mang tính thủ tục: "*Chuyện của em do em quyết định tất, chỉ về thông báo với bố mẹ thôi. Cũng phải đưa cô ấy về ra mắt bố mẹ. Em xác định ý kiến bố mẹ chỉ để tham khảo phần nào thôi. Còn vợ mình sống với mình là chính. Bố mẹ tôi thoả mái, không phản đối gì*". (Nam thành viên nhóm 1)

Trong khi đó, có người rất tin cậy ở ý kiến của cha mẹ, họ chỉ đợi sự ưng thuận của cha mẹ để có quyết định cuối cùng: "*Tôi nghĩ rằng khi xây dựng gia đình nên chú ý đến ý kiến của gia đình. Tôi đồng ý với ý kiến của anh vừa nói. Khi mình yêu thương không tính, không nhận biết được ý kiến bên ngoài, có thể sẽ dẫn đến sai lầm. Khi yêu thì cần tự tìm hiểu là chính, không cần phải dẫn dắt mới lái. Sau đó, ý kiến của gia đình là rất quan trọng*". (Nữ thành viên nhóm 3)

Trong trường hợp cha mẹ phản đối thì phản ứng của phụ nữ khác hẳn nam giới. Phụ nữ thường cố gắng thuyết phục gia đình đồng ý: "*Nếu hai người cùng ưng nhau thì chúng tôi tự quyết định. Trước hết phải nói với bố mẹ, nếu bố mẹ có điểm nào chưa ưng thì phải thuyết phục*" (Nữ thành viên nhóm 3). Trong khi đó nam giới có thể cứ kết hôn ngay cả khi cha mẹ không ủng hộ sự lựa chọn của họ: "*...xin ý kiến của bố mẹ chỉ có tính chất nghi lễ thôi. Nếu bố mẹ tôi mà ngăn cản thì tôi vẫn lấy vợ tôi bây giờ*". (Nam thành viên nhóm 1)

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng, dù có những thay đổi đáng kể giữa các thế hệ kết hôn, gia đình vẫn là trung tâm của quá trình tiến tới hôn nhân: việc ra mắt chính thức với hai gia đình cũng như sự chấp thuận của cha mẹ vẫn là nhân tố quan trọng.

Giống như các thế hệ trước, cha mẹ thường phản đối vì sự lựa chọn của con cái không phù hợp với đòi hỏi của họ về sự tương xứng giữa hai gia đình. Tuy nhiên, đối với thế hệ trẻ, sự tương xứng hầu như chỉ còn giới hạn trong các giá trị; truyền thống; khía cạnh chính trị đã không còn được chú ý đến nữa. Một tiêu chuẩn quan trọng tái xuất hiện đó là vị thế kinh tế - xã hội của gia đình bên kia. Khía cạnh này được chú trọng hơn đối với nhóm có học vấn đại học trở lên: ở đây áp lực của gia đình buộc họ phải tính đến sự tương xứng mạnh hơn so với các nhóm khác. Một thành viên có học vấn cao đã kể về sự can thiệp của gia đình vào hôn nhân của mình như sau: "*...khi tôi yêu vợ tôi thì bố mẹ không nhất trí, cho rằng không môn đăng hộ đối. Bố mẹ tôi yêu cầu lấy vợ phải có trình độ... Tôi đã yêu trong 5 năm, bà cụ không đồng ý. Lúc đó tôi đang học ở bên Nga, mẹ tôi sang tận bên ấy để cản trở hơn một năm trời. Người yêu tôi cũng không phải là người Hà Nội. Các cụ nghĩ là trai Hà Nội lại đi du học, nên phải chọn kỹ... "* (Nam thành viên nhóm 3).

Cũng chính một nữ thành viên thuộc thế hệ trước, phải chia tay với người yêu đầu tiên vì lý do thành phần gia đình (chúng tôi đã dẫn lời của chị ở phần trên) thì nay lại chủ động xóa bỏ sự phân biệt đó: "*Bây giờ tôi thấy nói chung lớp trẻ rất tự do. Tôi có con rể rồi, mặc dù hai cháu cùng học ở bên Nga. Nhưng gia đình con rể tôi không ở Hà Nội, cũng không phải trí thức như nhà mình. Chồng tôi lớn tuổi nên mang nặng tính phong kiến, lúc đầu không đồng ý cho là không môn đăng hộ đối, tôi lại phải làm công tác tư tưởng rất nhiều cuối cùng các cháu mới lấy được nhau. Tôi thấy hiện nay,*

do xã hội ta biến đổi nhiều nên hôn nhân cũng tự do hơn, đỡ bị ràng buộc về vấn đề chính trị cũng như thành phần như trước. (Nữ thành viên nhóm 12)

Cơ quan hầu như không còn giữ vai trò gì đáng kể trong quá trình lựa chọn ngoại trừ đối với một số nghề nghiệp nhất định như bộ đội hoặc ngành an ninh. Đối với phần lớn cơ quan chỉ còn chức năng hành chính trong việc cấp giấy giới thiệu để cặp vợ chồng đi đăng ký kết hôn.

Bạn bè bây giờ đóng vai trò khá quan trọng trong việc lựa chọn. Trong nhiều trường hợp, bạn bè đã thay thế gia đình và cơ quan tìm và giới thiệu đối tượng cho bạn của mình. Nhiều người đã tham khảo ý kiến của các bạn khi quyết định chọn người vợ hoặc người chồng tương lai. Mặc dù ý kiến của bạn bè có thể là rất quan trọng hay chỉ để tham khảo nhưng hầu hết số thành viên thuộc thế hệ trẻ có nhu cầu được nghe lời khuyên của họ như những trường hợp này: "*Cái mà tôi thấy cần tham khảo và có giá trị nhất là lời khuyên của hai người bạn rất thân. Có những chuyện không kể được với bố mẹ, anh em ruột, vẫn có thể nói được hết với hai người bạn ấy*" (Nam thành viên nhóm 1); "*Tôi cho rằng ý kiến của gia đình và ý kiến của bạn bè có giá trị ngang bằng nhau. Có nhiều gia đình bố mẹ hiểu biết nhiều, có thể giúp con cái trong việc suy nghĩ và chọn lựa người yêu hoặc trước khi lấy chồng, lấy vợ. Còn bạn bè có ý nghĩ hợp với mình, hợp với thời đại của mình hơn*" (Nữ thành viên nhóm 1)

Vì lúc này thanh niên có thể tự lựa chọn người yêu nên gia đình và cơ quan không còn là nơi cầuhầu yếu để họ tìm gặp nhau nữa. Trong thực tế, địa điểm và cơ hội để tìm và hò hẹn người yêu nhiều và đa dạng hơn trước. Các hoạt động xã hội ngoài gia đình và cơ quan đã và đang háa triển mạnh. Từ iữa những năm 1980 trở về trước, sự gặp gỡ của trai gái chỉ có thể xảy ra ở những nơi mà hành vi của họ có thể được giám sát. Ngày nay, họ có thể gặp nhau ở rất nhiều nơi, công khai và không bị cha mẹ kiểm soát. Một nữ thành viên đã nói: "*Thời chúng tôi quen nhau cũng rất đa dạng. Ví dụ cùng đi mừng sinh nhật, đi đám cưới hoặc cùng đi vui chơi*" (Nữ thành viên nhóm 1)

Với thế hệ bước vào hôn nhân từ sau khi đổi mới, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy sự củng cố các nhân tố mới xuất hiện từ thế hệ trước. Con cái hầu hết đã thay thế cha mẹ tìm và lựa chọn người bạn đời tương lai và thường thông qua bạn bè. Thế hệ cha mẹ tuy nhiên vẫn giữ một quyền lực nhất định trong việc ra quyết định cuối cùng. Mỗi quan hệ ngoài gia đình trở nên đáng kể hơn và đã tham gia một cách tích cực vào quyết định để hình thành gia đình.

Quyền tự do lựa chọn đã cho phép các sở thích cá nhân vươn lên vị trí quan trọng, nhiều khi là vị trí thứ nhất. Nhiều nam thành viên đã nhấn mạnh tiêu chuẩn ngoại hình của người vợ tương lai: cô ấy phải xinh đẹp và hấp dẫn, tiêu chuẩn tiếp theo là nhân cách: "*Em cũng có suy nghĩ như anh đây là không đạt tiêu chuẩn có công ăn việc làm lên trên đầu tiên là tốt đẹp*" (Nam thành viên nhóm 4)

Ngược lại, phụ nữ trước hết chú trọng đến nhân cách và khả năng giao tiếp xã hội của người chồng tương lai. Anh ta phải có học vấn cao, có công việc ổn định đem lại thu nhập tốt. Hầu hết các thành viên trong 12 nhóm đều coi học vấn là tiêu chuẩn quan trọng nhưng đối với thế hệ kết hôn từ năm 1985 trở về trước, có học vấn nghĩa là phải được đào tạo chính quy trong trường, trong khi với thế hệ trẻ có học vấn không nhất thiết là phải có bằng cấp mà có thể chỉ là sự hiểu biết rộng về xã hội. Phần lớn các thành viên có trình độ trung học coi trí thức ngang bằng với khả năng giao tiếp. Có lẽ sự thay đổi này là kết quả của các cơ hội do đổi mới đem lại. Mở một cửa hàng nhỏ,

chẳng hạn, có thể là một hoạt động kinh doanh không đòi hỏi trình độ học vấn cao. Suy nghĩ sau đây của một nữ thành viên khá phổ biến cho nhóm học vấn này: "*Theo tôi, người chồng lý tưởng phải có đạo đức trước hết, sau đó là có trình độ. Trình độ ở đây không nhất thiết phải là trình độ văn hóa, mà là sự hiểu biết, nhiều khi người ta không học cao nhưng tiếp xúc xã hội nhiều, hiểu biết nhiều. Mặt khác, cần có một nghề nghiệp gì đó đảm bảo được cuộc sống*" (Nữ thành viên nhóm 1)

Sự chênh lệch về tuổi tác vẫn được chú ý nhưng không còn là tiêu chuẩn bắt buộc. Khác với thế hệ trước, mỗi quan hệ mong muốn không phải lúc nào cũng theo kiểu "anh lớn và em gái".

Số liệu của chúng tôi cho thấy nhiều điểm mới trong quan hệ vợ chồng của lớp trẻ. Nam giới tự chia thành hai nhóm: một nhóm muốn có mối quan hệ mà trong đó người vợ gắn liền với công việc nội trợ còn họ chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính và xã hội: "*Để chọn vợ, theo tôi quan trọng nhất người đó phải có tình phụ nữ, thể hiện ở sự dịu dàng, nét na, quan tâm đến gia đình, chồng con. Tiêu chuẩn đó đặt lên hàng đầu. Thứ hai là hình dáng, sắc đẹp rất quan trọng. Còn về nghề nghiệp của người vợ, theo quan điểm của riêng tôi, không cần phụ nữ phải có học vấn cao... Chủ yếu phải biết quán xuyến gia đình, để chồng yên tâm. Cũng cần có nghề nghiệp để hỗ trợ cho cuộc sống gia đình, nhưng bất cứ nghề gì cũng được, có thể là nghề may.*" (Nam thành viên nhóm 3)

Nhóm còn lại muốn có một liên minh bình đẳng: vợ của họ phải hiểu biết và vợ chồng có thể chia sẻ tất cả với nhau: "*Theo tôi, một đôi vợ chồng lý tưởng là phải tôn trọng nhau, chồng nói vợ nghe, vợ nói chồng nghe, không có sự áp đặt gia trưởng. Sau đó là (cùng có) trách nhiệm nuôi dạy con cái. Thứ nữa là hai vợ chồng đều phải chung sức vun vén cho kinh tế gia đình.*" (Nam thành viên nhóm 5)

Một nửa số nam giới muốn kiểu phân công lao động truyền thống trong gia đình, nửa khác muốn sự phân chia bình đẳng. Trong khi đó, phần lớn phụ nữ mong muốn một quan hệ bình đẳng. Một số người còn nhấn mạnh sự cần thiết phải độc lập về kinh tế trước khi kết hôn: "*...22 tuổi rồi mà học hành còn đang dang dở thì cũng chưa nên kết hôn vội. Đại học xong và sau một thời gian để ổn định nghề nghiệp, cuộc sống không bị phụ thuộc. Phụ nữ nếu phụ thuộc về kinh tế thì bước vào cuộc sống gia đình sẽ khó khăn hơn. Nếu có nghề nghiệp ổn định thì chủ động hơn và không bị chồng coi khinh.*" (Nữ thành viên nhóm 5)

Cũng giống như thế hệ trước, hôn nhân có thể được tiến hành khi đã có sự độc lập về kinh tế. Tuy nhiên, tiêu chuẩn làm việc trong nhà nước đã không còn là điều kiện bắt buộc để đạt được sự độc lập này. Thành phần tư nhân đã được chấp nhận và thậm chí còn có thể được đánh giá cao vì thu nhập ở đây thường cao hơn. Cũng không còn bắt buộc hai vợ chồng đều phải có công việc ổn định trước khi kết hôn. Hiện nay, thu nhập của một người cũng có thể đảm bảo cho cuộc sống của cả gia đình, còn trước đây đối với phần lớn cư dân đô thị, sự tồn tại của gia đình đòi hỏi ít nhất là thu nhập của 2 người làm trong nhà nước. Không ít người chia sẻ ý kiến cho rằng: "*...để đảm bảo cuộc sống gia đình nên có việc làm ổn định, không cần phải làm ở cơ quan nhà nước.*" (Nam thành viên nhóm 2); "*Theo tôi, (tiêu chuẩn) đầu tiên là đạo đức và tính tình, rất quan trọng, sau đó mới đến hình thức, sau đó đến sức khỏe và gia đình gia giáo. Tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nhà nước bây giờ không thành vấn đề nữa.*" (Nam thành viên nhóm 1)

Điều đó không có nghĩa là bây giờ việc làm trong nhà nước không còn giá trị. Những người có học vấn đại học trở lên có thể tìm được những việc làm đem lại thu nhập và vị trí xã hội cao.

Nhà ở được các thành viên nhắc đến như một vấn đề quan trọng nhất có thể trì hoãn việc hôn nhân. Từ những năm 1960, nhà ở đã là một vấn đề nghiêm trọng ở Hà Nội: thiếu và chật chội. Năm 1989, một phần ba số căn hộ có bình quân dưới 4m²/người và hai phần ba dưới 6m²/người (*Kết quả điều tra mẫu nhà ở, 1990*). Trước đây đã là cán bộ công nhân viên nhà nước thì đương nhiên có tiêu chuẩn nhà, ngày nay, việc có được một căn hộ do cơ quan phân phối trở nên vô cùng khó khăn do việc thiếu nhà trầm trọng. Dù việc xây dựng nhà tư đang phát triển mạnh mẽ ở Hà Nội thì đối với những người trẻ tuổi, mới trưởng thành, khả năng để có nhà riêng rất hạn chế. Vì vậy có nhà ở đã trở thành một điều kiện tiên quyết khi xây dựng gia đình và tiêu chuẩn có nhà ở đôi khi đứng ở vị trí ưu tiên số một: "*Về vấn đề nhà của, đối với những người? có góc gác gia đình ở Hà Nội thì không nói làm gì. Nhưng bây giờ có rất nhiều thanh niên ở các tỉnh về, tiêu chuẩn của những người ấy, gần như đặt vấn đề nhà của lên đầu tiên... Rất nhiều người yêu nhau chỉ vì không có chỗ ở mà không lấy được nhau*" (Nam thành viên nhóm 1); "*Ngày xưa còn bao cấp nó khác, bây giờ khác. Bản thân người con gái cũng phải nhìn vào người đàn ông đàn ông hoàng, chứng chạc, có thể lo được cuộc sống ra ở riêng được. Có nhiều gia đình đông anh em, không có nhà, phải ở chung thì sao?*" (Nữ thành viên nhóm 1)

Tóm lại, trong hôn nhân ở Hà Nội hiện nay đã có những thay đổi quan trọng. Trước hết là sự mở rộng và đa dạng hóa cơ hội và cách gặp gỡ người bạn đời tương lai. Tiếp đó là sự chủ động của con cái trong việc tìm và lựa chọn người yêu rồi giới thiệu với gia đình, quá trình ngược lại đã không còn tồn tại. Sự chấp thuận của cha mẹ vẫn còn có ý nghĩa quan trọng đối với phần lớn mặc dù nhiều khi việc xin ý kiến của cha mẹ chỉ hoàn toàn mang tính thủ tục. Những trường hợp chống lại sự phản đối của gia đình cũng không phải là hiếm và thường không bị phê phán như trước đây. Những tiêu chuẩn lựa chọn ngày càng đa dạng; đối với nam giới, các tiêu chuẩn ngoại hình chiếm vị trí ưu tiên trong khi phụ nữ chú trọng khả năng giao tiếp rộng của người chồng. Phần lớn muốn có một người bạn đời có thể thích ứng nhanh nhạy với những thay đổi của xã hội. Khi nói về sự lựa chọn người ta không chỉ chú ý vào người bạn đời tương lai mà còn có những mong muốn cụ thể về môi quan hệ vợ chồng, đó là hai mô hình chủ yếu cũng tồn tại song song: kiểu quan hệ truyền thống và quan hệ bình đẳng.

Những người thuộc thế hệ từ trong nhóm phỏng vấn của chúng tôi thường giải thích về những thay đổi trong hôn nhân hiện nay bằng sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường: *trước đây 5,7 năm do cơ chế bao cấp nên mọi người đều bị cùm trói trong những chỉ bắt buộc. Hiện nay thời mở cửa, mọi cái đều mở cửa, con người được cởi trói, chính vì vậy người ta dễ đến với nhau*, (nhóm 2)

Kết quả phân tích cho thấy rằng trong quan niệm về hôn nhân của thế hệ kết hôn nhang năm sau đổi mới, 1987-1992, có sự pha trộn các yếu tố truyền thống, ảnh hưởng của thời bao cấp và tác động của thời đại mới. Điều đó khẳng định rằng họ đang ở trong giai đoạn quá độ hôn nhân-giao điểm của các mô hình hôn nhân truyền thống, bao cấp và hiện đại. Những thế hệ này trải qua thời thơ ấu và thanh niên trong thời kỳ bao cấp và bước vào thị trường hôn nhân ngay sau khi đổi mới ảnh hưởng của nền

kinh tế bao cấp được thể hiện khá rõ khi một số nữ thành viên nói rằng tốt nhất là trong hai vợ chồng, một người đi làm trong nhà nước còn một người làm ngoài.

PHÂN TÍCH VÀ KẾT LUẬN

Trên đây chúng tôi đã cố gắng trình bày một cách tóm tắt một mảng hiện thực xã hội về vấn đề hôn nhân trong hai thời kỳ, cụ thể là về quá trình lựa chọn bạn đời ở Hà Nội trong những năm 1965-1992. Dữ liệu thu thập được từ những người kết hôn trong thời kỳ 1965-1985 ở đây cho thấy, mặc dù có sự tham gia đáng kể của Nhà nước thông qua các giá trị chính trị - xã hội mới trong quá trình lựa chọn nhưng các giá trị truyền thống vẫn tiếp tục được bảo tồn và bộc lộ sức mạnh của mình trong các chuẩn mực về hôn nhân. Gia đình vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ yếu trong quá trình lựa chọn như ở thời kỳ trước. Phát hiện này cho thấy sự khác biệt với một số nghiên cứu về hôn nhân ở đô thị Trung Quốc. Những thay đổi trong gia đình Trung Quốc - bao gồm cả những thay đổi trong hôn nhân - chủ yếu do sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước ở các cấp độ khác nhau (M.Wolf, 1985; A.Wolf, 1986). Ngược lại, các giá trị truyền thống ở Việt Nam vẫn tồn tại, không cạnh tranh mà song song với các giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa cho đến Đổi Mới vào năm 1986. Sự cố gắng phân tách ảnh hưởng của gia đình và Nhà nước đối với việc lựa chọn bạn đời là một việc làm khó khăn vì trong lĩnh vực này chúng đã đan chặt vào nhau như kết quả nghiên cứu cho thấy. Đối với thế hệ trẻ, kết hôn trong những năm 1987-1992, sự duy trì một số khía cạnh của mô hình truyền thống cũng như của mô hình bao cấp, và việc Nhà nước đã không còn tham gia trực tiếp vào hôn nhân có thể đã dẫn đến sự hình thành một mô hình hôn nhân mới. Sự pha trộn của các yếu tố truyền thống, bao cấp và hiện đại đã góp phần giải thích mô hình hôn nhân hiện nay ở Hà Nội. Thứ nhất, về quyền quyết định hôn nhân: mặc dù những người kết hôn từ năm 1990 trở đi tự hào nói rằng họ độc lập trong khi lựa chọn bạn đời nhưng vẫn phải tham khảo ý kiến của bạn bè và tôn trọng những lời khuyên sáng suốt của cha mẹ. Đối với phần lớn, sự chấp thuận của cha mẹ vẫn là điều kiện tiên quyết cho hôn nhân. Thứ hai, kết quả cho thấy những xu hướng chưa rõ rệt về vai trò của giới trong cặp vợ chồng, từ sự phân công rõ ràng giữa hai lĩnh vực nội trợ và xã hội cho đến quan hệ bình đẳng giữa hai người. Cần phải có những nghiên cứu tiếp tục để làm rõ hơn hiện tượng này. Tuy nhiên, có thể nói rằng quá độ hôn nhân đã và đang diễn ra ở Hà Nội hiện nay. Dù rằng nó đã bắt đầu từ 60 hoặc 70 năm trước, mô hình cũ vẫn còn khá phổ biến cho đến cuối thế kỷ này khi mà nhiều bậc cha mẹ vẫn còn giành lấy quyền lựa chọn hạn chế cho các con. Phần lớn các thay đổi xảy ra với thế hệ được sinh ra vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960 và kết hôn vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, khi các cải cách về kinh tế và chính trị đã đem lại những kết quả ban đầu.

Phát hiện chủ yếu trong nghiên cứu của chúng tôi là vai trò trung tâm của gia đình trong quá trình tiến tới hôn nhân trong cả hai thời kỳ. Nó nhất quán với các nghiên cứu khác về chủ đề này ở Đông và Đông Nam Á. Đài Loan, với trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn hẳn Việt Nam nhưng vai trò của cha mẹ cũng vẫn tiếp tục được duy trì (Thornton, Chang and Lin, 1994). Kết luận của Hirschman và Vũ Mạnh Lợi về tầm quan trọng của quan hệ gia đình ở Việt Nam cũng làm sáng tỏ thêm nhận định này (Hirschman and Lôo, 1994). Vai trò quan trọng của bạn bè chứng minh cho sự phát triển của quan hệ ngoài gia đình của thế hệ trẻ.

Đối với nhiều nước trên châu lục này, quá độ hôn nhân xảy ra trong giai đoạn đầu của quá độ dân số (Raeleand Alam, 1993). Cho đến nay, các nguồn tài liệu đã có ở Việt Nam không cho phép một phân tích sâu hơn về quá độ dân số ở đây. Cuộc nghiên

ứu mức sinh được thực hiện trong năm 1994 sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm mô hình hôn nhân ở Việt Nam. Tuy nhiên, số liệu của chúng tôi dự ra một số gợi ý nhằm lý giải các yếu tố có thể tác động tới thời điểm kết hôn. Độ tuổi kết hôn khá cao theo DHS 1988⁷ nói lên thời gian độc thân dài hơn ở đô thị Việt Nam. Khi tự do của lớp trẻ được mở rộng thì tình dục trước hôn nhân có khả năng phát triển. Chính sách về các biện pháp tránh thai cho nữ người độc thân chưa được ban hành mà chỉ tập trung vào các cặp vợ chồng. Tuy nhiên, số phụ nữ trẻ có thai ngoài mong muốn dẫn đến hoặc nạo thai hoặc kết hôn sớm có xu hướng tăng trong những năm gần đây⁸. Banister (1993) cho biết về sự tăng tỉ lệ sinh đặc trưng theo tuổi trong năm 1988 so với tỉ lệ này của giai đoạn 1978-1982 và 1983-1987. Đó có thể là kết quả của việc tăng hoạt động tình dục trong số thanh niên độc thân và tăng quan hệ tình dục trong giai đoạn đầu của hôn nhân (Rindfuss and Morgan, 1983).

Kết luận tiếp theo rút ra từ nghiên cứu của chúng tôi nói dấn đến ảnh hưởng mà sự phân hóa xã hội do cải cách có thể tác động tới chuẩn mực về thời điểm kết hôn đối với một số tầng lớp nhất định. Nhân nữ gia đình có tiềm năng kinh tế mạnh có thể hỗ trợ các con sau khi kết hôn nên họ không cần phải chờ đợi họ đến khi có nghề nghiệp hoặc công việc ổn định rõ mới cưới. Mặt khác, nhiều người thuộc tầng lớp thấp có thể gặp nhiều khó khăn hơn để tìm được việc làm ổn định và kiếm nhà ở so với trước đây. Đối với thể hệ kết hôn trước Đổi Mới, ảnh hưởng của chiến tranh và sự phân biệt thành phần chính trị có thể lý giải sự khác biệt trong thời điểm kết hôn mặc dù sự ổn định kinh tế của cả hai người là điều kiện quyết định vì không thể trông đợi vào sự giúp đỡ của gia đình. Sự phân hóa kinh tế - xã hội hiện nay có lẽ tạo điều kiện cho sự xuất hiện của chiến lược truyền thống để thăng tiến thông qua hôn nhân. Trước đây, hôn nhân phải bảo vệ vị thế của gia đình trong thời bao cấp thì từ khi có Đổi Mới nó càng phải tích cực hơn. Để tìm kiếm một đối tượng sáng giá, nhất là với những người có học vấn cao, hôn nhân có thể bị trì hoãn trong một thời gian dài, và nhiều phụ nữ vì vậy mà không bao giờ kết hôn. Hiện tượng độc thân vĩnh viễn có thể sẽ xuất hiện ngày càng nhiều ở đô thị Việt Nam trong tương lai không xa như trường hợp của các cộng đồng Hoa Kiều ở Đông và Đông Nam Á hiện nay (Leete, 1994).

Ngày nay, tiềm lực kinh tế dồi dào của nhiều gia đình ở đô thị có thể làm tăng sự trợ giúp tài chính giữa các thành viên trong gia đình và do đó càng củng cố vai trò của cha mẹ trong hôn nhân của các con (Domingo and Keni, 1992). Tính liên tục của vai trò của cha mẹ trong hôn nhân có thể vì thế không chỉ là một yếu tố văn hóa mà còn là kết quả của sự năng động của gia đình trong hoạt động nghiên cứu ở nước Anh thời kỳ tiền công nghiệp (Hajnal, 1982). Lúc đó, thanh niên phải đạt được sự độc lập về kinh tế trước khi kết hôn và phải đi làm trước đó vài năm để kiếm đủ tiền ở Việt Nam, chuẩn mực về sự độc lập trở nên rất mạnh từ những năm 1960. Mặc dù có thể do nhiều lý do cùng với thời gian, xu hướng này có tác dụng quan trọng tới thời điểm kết hôn.

Những nghiên cứu xã hội khác về đô thị miền Bắc sẽ bổ sung cho kiến thức còn hạn chế của chúng tôi về gia đình đô thị Việt Nam. Hơn nữa, nghiên cứu dân cư đô thị là chìa khóa để tìm hiểu tác động của chính sách Nhà nước đối với hành vi của nhân dân vì đó là nhóm cư dân chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất từ các chính sách đó. Cuối

⁷ DHS Vietnam, p23, table 2.6. Dân cư đô thị Việt Nam.

⁸ Trong một nghiên cứu về những phụ nữ nạo thai hay hai điều hòa kinh nguyệt, 15% chưa từng sinh đẻ. 7% vẫn còn độc thân (Đỗ Trọng Hiếu, Stoeckel, Van Tien 1993).

cùng, sự đổi mới diễn ra đặc biệt mạnh mẽ ở thành phố, do đó dân cư đô thị có thể là những người đi tiên phong dẫn đến các thay đổi xã hội và dân số ở mức độ rộng lớn hơn. Chúng tôi tin rằng nghiên cứu này đã cho phép chúng tôi đưa ra một số đặc điểm chủ yếu trong việc lựa chọn bạn đời và làm sáng tỏ những thay đổi quan trọng trong quá trình tiến tới hôn nhân từ năm 1965 đến năm 1992 ở Hà Nội. Kết hợp với các số liệu từ các cuộc nghiên cứu khác, chúng tôi hy vọng góp phần vào các nghiên cứu về hôn nhân và gia đình Việt Nam trong những thập kỷ qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Allman James, Vu Quy Nhan, Nguyen Minh Thang, Pham Bich San, and Vu Duy Man. 1991. "Fertility and Family Planning in Vietnam". *Studies in Family Planning*, Vol 22, No.5, September/October 1991, 349-394.
- Banister Judith. 1993. *Vietnam Population Dynamics and Prospects*. Institute of East Asian Studies, University of California, Berkeley.
- Cheung Paul et al. 1986. "Cultural Variation in the Transition to Marriage in Four Asian Societies". *International Congress on Population, Florence 1985*, Vol.3. IUSSP, 293-308.
- De Rhodes Alexandre. 1994 (1st ed.1646). "Người Đàng ngoài làm lễ cưới thế nào. *Lịch sử Vương quốc Đàng ngoài (Histoire du Royaume de Tunquin)*. Thành phố Hồ Chí Minh: ủy ban đoàn kết công giáo, 63-66.
- Do Trong Hieu, John Stoeckel and Nguyen Van Tien. 1993. "Pregnancy Termination and Contraceptive Failure in Vietnam". *Asia-pacific Population Journal*, Vol. 8, No. 4, 1993, 3-18.
- Domingo Lita J. and King Elizabeth M. 1992. "The Role of the Family in the Process of Entry to Marriage in Asia". In Elza Berquó and Peter Xenos (eds.), *Family Systems and Cultural Change*. Oxford: Clarendon Press, 87-108.
- Forbes Dean and Thrift Nigel. 1987. "Territorial Organization, Regional Development and the City in Vietnam". In Dean Forbes and Nigel Thrift (eds.), *The Socialist Third World, Urban Development and Territorial Planning*. New York, Oxford: Basic Blackwell, 1987, 92-128.
- Goode W.J. 1963. *World Revolution and Family Patterns*. New York: The Free Press.
- Hajnal John. 1982. "Two Kinds of Preindustrial Household Formation". *Population and Development Review*, Vol. 8, No. 3, 1992, 449-494.
- Hirschman Charles and Vu Manh Loi. 1994. "Family and Household Structure in Vietnam". Paper presented at the annual Meeting of Association for Asian Studies, March 18-20, 1994 in Boston, Massachusetts, 26 p.
- Hy Van Lupng. 1992. *Revolution in the Village, Tradition and Transformation in North Vietnam, 1925-1988*. Honolulu: University of Hawaii Press.

- _____. 1990. *Discursive Practices and Linguistic Meanings. The Vietnamese system of person reference*. Amsterdam, Philadelphia: John Benjamins Publishing Company.
- Insun Yu. 1990. *Law and Society in Seventeenth and Eighteenth Century Vietnam*. Asiatic Research Center, Korea University.
- Khuất Thu Hồng. 1994. "Sự hình thành gia đình nông thôn trong hoàn cảnh kinh tế xã hội mới". *Tạp chí Xã hội học, số 2, 1994*. ("Family formation in Rural areas under the impact of Socio-Economic Changes". *Sociological Review, No 2, 1994*). Hà Nội: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 76-84.
- Knodel John. 1993. "The Design and Analysis of Focus Group Studies: A Practical Approach". In David L. Morgan (eds), *Successful Focus Groups. Advancing the State of the Art*. Newbury Park, London, New Dehli: Sage Publications, 35-50.
- Leete Richard . 1994. "The Flight from Marriage and Parenthood among Overseas Chinese in Asia". *Population and Development Review, Vol. 20, No. 4*, 811-829.
- Mc Donald Peter. 1985. "Social Organization and Nuptiality in Developing Countries". In John Cleland and John Hobcraft (eds), *Reproductive Change in Developing Countries*. Oxford: Oxford University Press, 87-114.
- Pelzer Kristin. 1993. "Socio-Cultural Dimensions of Renovation in Vietnam: *Doi moi* as Dialogue and? Transformation in Gender Relations". William S. Turley and Mark Selden (eds). 1993, *Reinventing Vietnamese Socialism. Doi moi in Comparative Perspectives*. Boulder, San Francisco, Oxford: Westview Press, 309-336.
- Phan Kế Bính. 1990 (Tái bản.). *Việt Nam phong tục (Vietnamese Customs)*. Đồng Tháp: Nhà xuất bản Tổng hợp.
- Rele J. R., Iqbal Alam. 1993. "Fertility Transition in Asia: The Statistical Evidence". In Richard Leete and Iqbal Alam (eds.), *The Revolution in Asian Fertility*. Oxford: Clarendon Press, 15-37.
- Rindfuss, Ronald R., Morgan Phillip S. 1983. "Marriage, Sex and the First Birth Interval: the Quiet Revolution in Asia". *Population and Development Review, Vol. . 9, No. 2*, 259-278.
- Thornton A, Chang J. S., and Lin H.S. 1994. "From Arranged Marriage toward Love Match". In Arland Thornton and Hui-Sheng Lin (eds.), *Social Change & the Family in Taiwan*. Chicago: The University of Chicago Press, 148-177.
- Trần Đình Huou. 1991. "Traditional Families in Vietnam and the Influence of Confucianism". In Rita Lijestrom and Tuong Lai (eds.), *Sociological Studies on the Vietnamese Family*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1991, 27-53.
- Vietnam Population Census 1989, 1992. *The Population of Vietnam*. Hanoi: Statistical Publishing House.
- Vietnam National Committee for Population and Family Planning. 1990. *Vietnam Demographic and Health Survey 1988*. Hanoi.

Vietnam Population Census 1989, 1990. *Ket qua dieu tra mau aha & (Household Sample Census Results)*. Ha Noi: Nhà xuất bản Thống kê.

Wolf Arthur P. 1986. "The Preeminent Role of Government Intervention in China's Family Revolution". *Population and Development Review*, Vol. 12, No. 1, 101-116.

Wolf Margery. 1985. "Marriage, Family, and the State in Contemporary China". In Kinsley Davis feds.), *Contemporary Marriage, Comparative Perspectives on a Changing Institution*. New York: Russell Saje Foundation, 223-251.

Xenos Peter, Gultiano Socorro A. 1992. *Trends in Female and Male Age at Marriage and Celibacy in Asia*. Honolulu: East-West Center, No. 120, 46p.



Bà Annka Jonhanson Valetas (Thụy Điển) phát biểu tại hội thảo khoa học về "Gia đình, biến đổi kinh tế và mức sinh" tại Viện Xã hội học, ngày 11/11/1995